

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

Hà Nội - Tháng 08 năm 2020

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	7 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	10 - 11
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP (sau đây được gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét của Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP tiền thân là Tổng Công ty Nhà nước với tên gọi là Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp. Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp được thành lập theo Quyết định số 155/HĐBT ngày 12/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và thành lập lại theo Quyết định số 1117/QĐ/TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Tổng Công ty được chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con theo Quyết định số 3168 /QĐ-BCT ngày 15 tháng 06 năm 2010 của Bộ Công Thương. Ngày 16 tháng 11 năm 2015, Tổng Công ty được Bộ Công Thương quyết định xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT.

Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 7 ngày 20/01/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 27 tháng 04 năm 2020 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: MACHINES AND INDUSTRIAL EQUIPMENT CORPORATION.

Tên viết tắt: MIE.

Cổ phiếu của Tổng Công ty hiện đang được giao dịch trên sàn Upcom với mã cổ phiếu là MIE.

Trụ sở chính Tổng Công ty đặt tại số 7A phố Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Vốn Điều lệ của Tổng Công ty là: 1.419.915.000.000 VND (Bằng chữ: Một nghìn, bốn trăm mười chín tỷ, chín trăm mười lăm triệu đồng).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Trần Quốc Toàn	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Khắc Hải	Thành viên Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 10/06/2020)
Ông Hoàng Minh Việt	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Cù Ngọc Phương	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Phan Phạm Hà	Thành viên Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 10/06/2020)
Ông Lê Quốc Hưng	Thành viên Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm ngày 10/06/2020)
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm ngày 10/06/2020)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Khắc Hải	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 20/04/2020)
Ông Lê Quốc Hưng	Quyền Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 20/04/2020)
Ông Phạm Thành Đông	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đậu Huy Ngọc Linh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Thu Trang	Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng ban Tài chính Kế toán

BAN KIỂM SOÁT

Ông Đinh Quang Hòa	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Lê Tuấn Anh	Ủy viên Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 01/04/2020)
Bà Nguyễn Thị Khánh Ly	Ủy viên Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Minh Huyền	Ủy viên Ban Kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 10/06/2020)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 của Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp – CTCP được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ để Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty Đại chúng có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2017 và Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc, 



Lê Quốc Hưng

Quyền Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2020

Số: 679/2020/BCKTR-BCSX/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020
của Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP

Kính gửi: **Các Quý cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP, được lập ngày 21 tháng 08 năm 2020, từ trang 07 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30/06/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

- (1) Như đã trình bày tại Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính riêng kết thúc ngày 31/12/2019, tại ngày 31/12/2019, chúng tôi chưa có đủ cơ sở để đánh giá khoản tồn thất (nếu có) vào Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm cơ khí và Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật do Báo cáo tài chính giữa niên độ của hai công ty này bao gồm các khoản công nợ phải thu tồn đọng, đã quá hạn thanh toán tính đến thời điểm 30/09/2014 (thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa) nhưng chưa được xử lý khi cổ phần hóa.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Theo Công văn số 2230/BCT- CNNg ngày 20 tháng 03 năm 2017 về việc đề nghị xử lý tài chính tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần của Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP, Bộ Công thương yêu cầu Tổng Công ty tiến hành rà soát, chuẩn bị tài liệu và hồ sơ có liên quan trong đó có hồ sơ các khoản công nợ phải thu khó đòi, kèm theo hồ sơ công tác quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần để trình cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết khi thực hiện công tác quyết toán cổ phần hóa. Tại thời điểm phát hành Báo cáo soát xét, các đơn vị này vẫn đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán cổ phần hóa và xử lý các vấn đề liên quan trong đó có khoản công nợ tồn đọng nói trên. Do đó, Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 chưa bao gồm khoản tồn thất (nếu có) của khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm cơ khí và Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật (Chi tiết được trình bày tại Mục 5.10, Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ).

- (2) Cũng đã được trình bày tại Báo cáo kiểm toán cho Báo cáo tài chính riêng kết thúc ngày 31/12/2019, tại ngày 31/12/2019, chúng tôi chưa có đủ cơ sở để đánh giá tồn thất (nếu có) của khoản đầu tư vào Công ty con là Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung do vụ án tại Công ty này đang được điều tra và chưa có kết luận cuối cùng. Do đó, Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30/06/2020 cũng chưa bao gồm việc đánh giá khoản tồn thất (nếu có) của khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung (Chi tiết được trình bày tại Mục 5.10, Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ).

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/06/2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Mục 1.1, Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Vốn Điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần của Tổng Công ty là: 1.419.915.000.000 VND. Tại ngày 30/06/2020, Vốn góp của chủ sở hữu (Mã số 411) trên Bảng cân đối kế toán là 1.418.634.488.001 VND, chênh lệch (1.280.511.999) VND so với Vốn Điều lệ là do quá trình xử lý tài chính khi Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo quy định. Tại thời điểm phát hành Báo cáo soát xét, Công ty mẹ và 4 công ty TNHH MTV do Tổng Công ty đang sở hữu 100% vốn vẫn đang chờ các cơ quan có thẩm quyền xem xét và phê duyệt hồ sơ quyết toán cổ phần hóa. Sau khi có phê duyệt chính thức hồ sơ quyết toán cổ phần hóa, Tổng Công ty sẽ có những điều chỉnh về Vốn theo quy định.

Vấn đề khác

Ngày 20/01/2017, Tổng Công ty được cấp Giấy đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần và chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần. Tại thời điểm phát hành Báo cáo soát xét này, Tổng Công ty chưa thực hiện bàn giao phần vốn Nhà nước sang Công ty cổ phần do chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ quyết toán cổ phần hóa.



Bùi Thị Thúy

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN số: 0580-2018-137-1

*Giấy ủy quyền số: 04/2020/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2020
của Chủ tịch HĐQT*

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Global Network

Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2020

15/11/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		570.509.252.216	383.567.617.472
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	5.018.644.265	24.446.093.103
1. Tiền	111		5.018.644.265	21.446.093.103
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	3.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	20.000.000.000	45.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		20.000.000.000	45.000.000.000
III. Các khoản phải thu	130		381.927.992.624	247.224.029.681
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	294.767.398.870	210.048.437.587
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		74.050.655.964	23.838.697.113
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	5.4	805.500.000	805.500.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	16.943.526.491	17.170.483.682
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.3	(4.639.088.701)	(4.639.088.701)
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	144.570.850.160	56.280.630.691
1. Hàng tồn kho	141		144.570.850.160	56.280.630.691
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		18.991.765.167	10.616.863.997
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.11	277.465.754	3.577.885
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		18.575.706.345	10.483.861.269
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.13	138.593.068	129.424.843
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+240+250+260)	200		1.238.726.748.042	1.240.511.396.268
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		37.500.000	37.500.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	37.500.000	37.500.000
II. Tài sản cố định	220		35.156.188.608	36.369.914.958
1. <i>Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>221</i>	<i>5.7</i>	<i>35.129.737.010</i>	<i>36.333.463.358</i>
- Nguyên giá	222		49.054.324.791	49.054.324.791
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.924.587.781)	(12.720.861.433)
2. <i>Tài sản cố định vô hình</i>	<i>227</i>	<i>5.8</i>	<i>26.451.598</i>	<i>36.451.600</i>
- Nguyên giá	228		100.000.000	100.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(73.548.402)	(63.548.400)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.9	22.151.695.404	22.444.242.186
- Nguyên giá	231		23.403.742.571	23.403.742.571
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.252.047.167)	(959.500.385)
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.10	1.180.460.941.347	1.180.460.941.347
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.160.969.434.283	1.160.969.434.283
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.772.952.058	1.772.952.058
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	258		17.718.555.006	17.718.555.006
VI. Tài sản dài hạn khác	260		920.422.683	1.198.797.777
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	920.422.683	1.198.797.777
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.809.236.000.258	1.624.079.013.740

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		389.418.474.127	205.230.934.557
I. Nợ ngắn hạn	310		389.418.474.127	205.230.934.557
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	208.521.690.467	95.125.427.217
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		75.844.115.819	62.576.006.595
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	1.522.437.180	1.585.039.438
4. Phải trả người lao động	314		865.500.361	1.873.055.728
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	5.052.687.419	6.162.531.596
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.15	269.300.000	770.500.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	22.097.900.824	21.984.246.281
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	73.244.990.017	11.412.053.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	721.251.110
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.999.852.040	3.020.823.592
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		1.419.817.526.131	1.418.848.079.183
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.18	1.419.817.526.131	1.418.848.079.183
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.418.634.488.001	1.418.634.488.001
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		1.183.038.130	213.591.182
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		213.591.182	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		969.446.948	213.591.182
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.809.236.000.258	1.624.079.013.740

Hà nội, ngày 21 tháng 08 năm 2020

Người lập

TB. Tài chính kế toán

Quyền Tổng Giám đốc



Phạm Minh Đức



Trần Thị Thu Trang



Lê Quốc Hưng



BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Từ ngày 01/01/2020	Từ ngày 01/01/2019
			đến ngày 30/06/2020	đến ngày 30/06/2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	288.197.548.010	142.527.253.970
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	209.090.909
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		288.197.548.010	142.318.163.061
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	275.396.269.614	134.180.739.908
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		12.801.278.396	8.137.423.153
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.508.430.786	2.568.303.224
7. Chi phí tài chính	22	6.3	1.013.386.426	282.978.808
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>			837.221.203	154.681.631
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	12.105.374.145	10.203.665.382
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		1.190.948.611	219.082.187
11. Thu nhập khác	31	6.6	50.000.224	299.294.448
12. Chi phí khác	32	6.7	79.451.857	130.623.948
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(29.451.633)	168.670.500
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		1.161.496.978	387.752.687
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	192.050.030	32.912.710
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		969.446.948	354.839.977

Hà nội, ngày 21 tháng 08 năm 2020

Người lập

TB. Tài chính kế toán

Quyền Tổng Giám đốc





Phạm Minh Đức

Trần Thị Thu Trang

Lê Quốc Hưng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(theo phương pháp gián tiếp)
 Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

CHỈ TIÊU	MS	Từ ngày 01/01/2020	Từ ngày 01/01/2019
		đến ngày 30/06/2020	đến ngày 30/06/2019
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	01		
1. Lợi nhuận trước thuế		1.161.496.978	387.752.687
2. Điều chỉnh cho các khoản		1.097.768.036	(20.010.673)
- Khấu hao TSCĐ và BĐS đầu tư	02	1.506.273.132	1.491.505.348
- Các khoản dự phòng	03	-	(200.000.000)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(280.792.586)	123.671.177
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(964.933.713)	(1.676.681.838)
- Chi phí lãi vay	06	837.221.203	241.494.640
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.259.265.014	367.742.014
- Tăng giảm các khoản phải thu	09	(148.020.759.366)	96.100.924.485
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	(88.290.219.469)	(15.501.651.596)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay thuế thu nhập phải nộp)	11	124.699.266.196	(18.570.954.566)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	269.161.675	(314.305.620)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(639.279.630)	(298.015.340)
- Thuế thu nhập đã nộp	15	(146.184.417)	(50.531.300)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	551.480.050	2.345.716.470
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.644.905.167)	(1.600.404.056)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(110.962.175.114)	62.478.520.491
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(373.465.020)	(858.937.545)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(40.000.000.000)	(59.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	68.000.000.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.099.277.042	1.237.625.821
Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư	30	29.725.812.022	(58.621.311.724)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	129.237.294.679	-
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(67.405.630.662)	(14.189.983.180)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	40	61.831.664.017	(14.189.983.180)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

CHỈ TIÊU	MS	Từ ngày 01/01/2020	Từ ngày 01/01/2019
		đến ngày 30/06/2020	đến ngày 30/06/2019
		VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(19.404.699.075)	(10.332.774.413)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	24.446.093.103	27.377.743.587
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	61	(22.749.763)	16.503.229
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.018.644.265	17.061.472.403

Hà nội, ngày 21 tháng 08 năm 2020

Người lập

TB. Tài chính kế toán

Quyền Tổng Giám đốc

Phạm Minh Đức

Trần Thị Thu Trang



Lê Quốc Hưng

10 / 3 / H / TC / CT / NI

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP tiền thân là Tổng Công ty Nhà nước với tên gọi là Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp. Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp được thành lập theo Quyết định số 155/HĐBT ngày 12/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và thành lập lại theo Quyết định số 1117/QĐ/TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Tổng Công ty được chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con theo Quyết định số 3168 /QĐ-BCT ngày 15 tháng 06 năm 2010 của Bộ Công Thương. Ngày 16 tháng 11 năm 2015, Tổng Công ty được Bộ Công Thương quyết định xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT.

Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 7 ngày 20/01/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 27 tháng 04 năm 2020 do Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tên Tổng Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: MACHINES AND INDUSTRIAL EQUIPMENT CORPORATION.

Tên viết tắt là: MIE

Cổ phiếu của Tổng Công ty hiện đang được giao dịch trên sàn Upcom với mã cổ phiếu là MIE.

Trụ sở chính Tổng Công ty đặt tại số 7A phố Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Vốn Điều lệ của Tổng Công ty là: 1.419.915.000.000 VND (*Bằng chữ: Một nghìn, bốn trăm mười chín tỷ, chín trăm mười lăm triệu đồng*) chia làm 141.991.500 cổ phần phổ thông, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND.

Vốn góp của chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2020 là 1.418.634.488.001 VND.

Vốn Điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần của Tổng Công ty lớn hơn Vốn góp của chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30/06/2020 là 1.280.511.999 VND do quá trình xử lý tài chính khi Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo quy định. Công ty mẹ và 4 công ty TNHH MTV do Tổng Công ty đang sở hữu 100% vốn vẫn đang chờ các cơ quan có thẩm quyền xem xét và phê duyệt hồ sơ quyết toán cổ phần hóa. Sau khi có phê duyệt chính thức hồ sơ quyết toán cổ phần hóa, Tổng Công ty sẽ có những điều chỉnh về Vốn theo quy định.

Dựa trên số lượng cổ phần đang nắm giữ, tỷ lệ cơ cấu cổ đông tại 30/06/2020 như sau:

Cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông Nhà nước (Bộ Công Thương)	141.384.680	99,5726%
Cán bộ CNV	537.820	0,3788%
Nhà đầu tư khác	69.000	0,0486%
- Tổ chức	20.000	0,0141%
- Cá nhân	49.000	0,0345%
Cộng	141.991.500	100,00%

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất chế tạo sản phẩm cơ khí (thiết bị toàn bộ, thiết bị lẻ, kim khí tiêu dùng, chi tiết cụm, chi tiết phụ tùng);
- Đầu tư, xây dựng, chế tạo, lắp đặt, vận hành và chuyển giao các nhà máy nhiệt điện, thủy điện độc lập;
- Xây lắp các công trình công nghiệp và dân dụng, công trình giao thông đường bộ, công trình thủy lợi, các công trình hạ tầng đô thị;
- Tư vấn đầu tư và dịch vụ kỹ thuật công nghệ, công nghiệp; Kinh doanh thương mại...

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/06/2020, Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc, công ty con, công ty liên kết như sau:

STT	Tên	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
I.	Văn Phòng Tổng Công ty	- Thiết kế, chế tạo, cung cấp, lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; - Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; - Sản xuất luyện kim, sửa chữa máy móc, thiết bị; - Sản xuất các cấu kiện kim loại.	100%
II.	Đơn vị trực thuộc		
1.	Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP	- Giao dịch, mua bán máy móc thiết bị, vật tư công nghiệp; - Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính); - Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; - Đo đạc địa chính; Kinh doanh bất động sản...	100%
2.	Công ty Xây lắp Công nghiệp	- Chuẩn bị mặt bằng; - Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; - Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; - Đóng tàu và cấu kiện nổi; - Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác...	100%
3.	Công ty Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp	- Tư vấn đầu tư, dịch vụ công nghiệp và chuyển giao công nghệ; - Thực hiện các nhiệm vụ do Tổng Công ty ủy quyền.	100%
III.	Công ty con		
1.	Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	- Sản xuất chế tạo máy, cắt gọt kim loại, thiết bị công nghiệp; - Kinh doanh thiết bị điện tử, gỗ, nhà ở, bất động sản; - Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, xuất nhập khẩu và kinh doanh thiết bị công nghiệp vật tư.	100%
2.	Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	- Thiết kế, chế tạo công nghệ dây chuyền bột giấy, chế tạo các kết cấu thép, thiết bị phụ tùng công nghiệp, kiểm tra X quang thiết bị chịu áp lực; - Sản xuất các sản phẩm giấy, nhập khẩu thiết bị vật tư, kinh doanh kho bãi văn phòng, xuất nhập khẩu thiết bị điện, điện tử công nghiệp dân dụng.	100%
3.	Công ty TNHH MTV XNK sản phẩm cơ khí	- Mua bán, xuất nhập khẩu đồ gia dụng, nông sản, máy móc thiết bị, sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí...	100%
4.	Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Thiết bị toàn bộ và Kỹ thuật	- Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá; - Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá; - Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; - Môi giới thương mại ...	100%
5.	Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	- Sản xuất kinh doanh thiết bị máy móc, phụ tùng công nghiệp, hộp giảm tốc các loại khung nhà xưởng, thép cán; - Xuất nhập khẩu máy móc thiết bị;	98,189%
6.	Công ty Cổ phần Dụng cụ số 1	- Kinh doanh các sản phẩm công nghiệp và dụng cụ đo lường cơ khí.	51%
IV.	Công ty liên kết		
1.	Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Sài Gòn Hà Nội	- Kinh doanh siêu thị, nhà hàng, khách sạn, dự án đầu tư...	20%

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch hàng năm. Kỳ kế toán trong Báo cáo này là từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng này được tổng hợp từ các Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 của 04 đơn vị sau:

- Văn Phòng Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP;
- Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP (tại TP HCM);
- Công ty Xây lắp Công nghiệp;
- Công ty Tư vấn Đầu tư và dịch vụ Kỹ thuật công nghiệp.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con, liên doanh, liên kết: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (công ty con, liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: Việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu (tiếp theo)

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy vi tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Tài sản	Kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020
Nhà cửa, vật kiến trúc	30 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 06
Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

TSCĐ vô hình là phần mềm máy tính được khấu hao trong 5 năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Tổng Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Khấu hao: Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Tổng Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá.

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả (tiếp theo)

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí thuê nhà, đất phải trả: trích trước theo thời gian thực hiện hợp đồng
- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Lợi nhuận chưa phân phối là lợi nhuận sau thuế sau khi thực hiện việc chia cổ tức cho các thành viên dựa trên tỷ lệ vốn góp theo quyết định của Hội đồng quản trị và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật Việt Nam.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Tổng Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập phải nộp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất hiện hành là 20% trên thu nhập tính thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các Công ty con của Tổng Công ty, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Người quản lý của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Hiện nay, hoạt động chủ yếu của Tổng Công ty là cung cấp và lắp đặt các thiết bị công nghiệp. Do đó, việc trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là hoàn toàn không cần thiết

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Hoạt động sản xuất và điều hành của Tổng Công ty tập trung tại khu vực thành phố Hà Nội trong khi các hoạt động mua hàng và tiêu thụ xảy ra trong phạm vi cả nước và nước ngoài. Vì vậy, việc lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý là không khả thi và việc không lập báo cáo này không ảnh hưởng trọng yếu tới việc trình bày Báo cáo tài chính riêng nói chung.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	733.802.634	4.082.935.132
Tiền gửi ngân hàng	4.284.841.631	17.363.157.971
Các khoản tương đương tiền <i>(Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng)</i>	-	3.000.000.000
Tổng cộng	5.018.644.265	24.446.093.103

5.2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/06/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	20.000.000.000	20.000.000.000	45.000.000.000	45.000.000.000
<i>Tiền gửi kỳ hạn (từ 3 đến 12 tháng)</i>				
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Nội	19.000.000.000	19.000.000.000	42.000.000.000	42.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hoàn Kiếm	1.000.000.000	1.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Tổng	20.000.000.000	20.000.000.000	45.000.000.000	45.000.000.000

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B 09a-DN

5.3 Phải thu khách hàng

	30/06/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	294.767.398.870	4.639.088.701	210.048.437.587	4.639.088.701
<i>Phải thu các công ty con</i>	<i>15.881.750.332</i>	-	<i>13.190.638.832</i>	-
Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	15.881.750.332	-	13.190.638.832	-
<i>Các khách hàng khác</i>	<i>278.885.648.538</i>	<i>4.639.088.701</i>	<i>196.857.798.755</i>	<i>4.639.088.701</i>
Ban điều hành Dự án nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	9.491.536.950	-	9.491.536.950	-
Công ty CP Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia	42.954.923.370	-	42.954.923.370	-
Công ty CP Thương mại CITICOM	4.608.148.710	-	10.929.653.515	-
Công ty CP Thủy điện Long Tạo Điện Biên	31.156.548.333	-	33.156.548.333	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cơ khí Sông Hồng	2.296.370.548	2.296.370.548	2.296.370.548	2.296.370.548
Công ty CP Cơ khí Điện lực	2.342.718.153	2.342.718.153	2.342.718.153	2.342.718.153
Công ty CP Đầu tư Năng lượng Miền Bắc	8.010.780.435	-	11.952.117.110	-
Công ty CP Quốc tế Minh Hải	6.734.921.600	-	9.864.340.310	-
Danieli &C.Officine Meccaniche SpA	-	-	10.790.413.970	-
Danieli Co., Ltd	5.068.218.015	-	5.067.121.710	-
Ban Quản lý dự án Điện 2 - Tập đoàn điện lực Việt Nam	108.917.605.129	-	-	-
Công ty Cổ phần Xây lắp điện I	20.231.096.354	-	768.545.172	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Công nghiệp Maksteel	2.751.337.050	-	14.267.811.322	-
Đối tượng khác	34.321.443.891	-	42.975.698.292	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Tổng cộng	294.767.398.870	4.639.088.701	210.048.437.587	4.639.088.701

5.4 Phải thu nội bộ

	30/06/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	805.500.000	-	805.500.000	-
Công ty CP Kinh doanh Thiết bị công nghiệp	637.500.000	-	637.500.000	-
Công ty CP Cơ điện và Xây dựng Quảng Nam	168.000.000	-	168.000.000	-
Dài hạn	-	-	-	-
Tổng cộng	805.500.000	-	805.500.000	-

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B 09a-DN

5.5 Phải thu khác

	30/06/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	16.943.526.491	-	17.170.483.682	-
Chi phí cổ phần hóa	3.423.839.908	-	3.423.839.908	-
Phải thu các công ty con	44.080.646	-	44.080.646	-
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	37.161.309	-	37.161.309	-
- Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	6.919.337	-	6.919.337	-
Phải thu về BHXH, BHYT	162.496.453	-	162.496.453	-
Tạm ứng	11.919.759.164	-	10.774.804.742	-
Đối tượng khác	1.393.350.320	-	2.765.261.933	-
Dài hạn	37.500.000	-	37.500.000	-
Ký quỹ, ký cược	37.500.000	-	37.500.000	-
Tổng cộng	16.981.026.491	-	17.207.983.682	-

5.6 Hàng tồn kho

	30/06/2020		01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	188.077.012	-	190.377.012	-
CPSX kinh doanh dở dang	101.497.113.705	-	30.318.025.159	-
Hàng hóa	42.885.659.443	-	25.772.228.520	-
Tổng cộng	144.570.850.160	-	56.280.630.691	-

5.7 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2020	41.972.594.163	282.774.500	6.521.792.400	277.163.728	49.054.324.791
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2020	41.972.594.163	282.774.500	6.521.792.400	277.163.728	49.054.324.791
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2020	10.776.841.461	208.598.156	1.544.251.676	191.170.140	12.720.861.433
Tăng trong kỳ	827.292.794	15.646.832	337.421.741	23.364.981	1.203.726.348
Khấu hao trong kỳ	827.292.794	15.646.832	337.421.741	23.364.981	1.203.726.348
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2020	11.604.134.255	224.244.988	1.881.673.417	214.535.121	13.924.587.781
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2020	31.195.752.702	74.176.344	4.977.540.724	85.993.588	36.333.463.358
Tại ngày 30/06/2020	30.368.459.908	58.529.512	4.640.118.983	62.628.607	35.129.737.010

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B 09a-DN

5.8 Tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Phần mềm kế toán	Cộng
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2020	100.000.000	100.000.000
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Tại ngày 30/06/2020	100.000.000	100.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2020	63.548.400	63.548.400
Tăng trong kỳ	10.000.002	10.000.002
Khấu hao trong kỳ	10.000.002	10.000.002
Giảm trong kỳ		
Tại ngày 30/06/2020	73.548.402	73.548.402
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2020	36.451.600	36.451.600
Tại ngày 30/06/2020	26.451.598	26.451.598

5.9 Bất động sản đầu tư*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Nhà	Cộng
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2020	23.403.742.571	23.403.742.571
Tăng trong kỳ	-	-
Mua trong kỳ	-	-
Tại ngày 30/06/2020	23.403.742.571	23.403.742.571
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2020	959.500.385	959.500.385
Tăng trong kỳ	292.546.782	292.546.782
Khấu hao trong kỳ	292.546.782	292.546.782
Giảm trong kỳ		
Tại ngày 30/06/2020	1.252.047.167	1.252.047.167
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2020	22.444.242.186	22.444.242.186
Tại ngày 30/06/2020	22.151.695.404	22.151.695.404

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

MÃU B 09a-DN

5.10 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2020		01/01/2020		
	VND		VND		
	Tỷ lệ				
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con			1.160.969.434.283	1.160.969.434.283	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội {1}	100%	100%	644.670.174.361 (*)	644.670.174.361 (*)	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung {2}	100%	100%	163.327.600.924 (*)	163.327.600.924 (*)	-
Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm cơ khí {3}	100%	100%	186.946.683.204 (*)	186.946.683.204 (*)	-
Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật {4}	100%	100%	35.893.995.830 (*)	35.893.995.830 (*)	-
Công ty CP Cơ khí Duyên Hải {5}	98,189%	98,189%	126.294.786.164 (*)	126.294.786.164 (*)	-
Công ty CP Dụng cụ số 1 {6}	51%	51%	3.836.193.800 (*)	3.836.193.800 (*)	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			1.772.952.058	1.772.952.058	
Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội {7}	20%	20%	1.772.952.058 (*)	1.772.952.058 (*)	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			17.718.555.006	17.718.555.006	
Công ty CP Đá Mài Hải Dương {08}	2,22%	2,22%	3.381.542.806 (*)	3.381.542.806 (*)	-
Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng {09}	10%	10%	1.432.012.200 (*)	1.432.012.200 (*)	-
Công ty CP Xi măng Đồng Bành {10}	10,37%	10,37%	12.905.000.000 (*)	12.905.000.000 (*)	-
- <i>Vốn góp của Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP {10a}</i>			- (*)	- (*)	-
- <i>Vốn góp của các cổ đông khác {10b}</i>			12.905.000.000 (*)	12.905.000.000 (*)	-
Tổng cộng			1.180.460.941.347	1.180.460.941.347	-

Ghi chú: Tỷ lệ Vốn nắm giữ và tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty trong các công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị khác tại ngày 30/06/2020 không biến động so với ngày 01/01/2020.

- {1} Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội do Tổng Công ty nắm giữ 100% vốn; thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30/09/2014 để phục vụ cho công tác cổ phần hóa Tổng Công ty. Hiện tại, Công ty đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ quyết toán cổ phần hóa cùng Công ty mẹ của Tổng Công ty.
- {2} Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung do Tổng Công ty nắm giữ 100% vốn; thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30/09/2014 để phục vụ cho công tác cổ phần hóa Tổng Công ty. Tương tự như các công ty con do Tổng Công ty sở hữu 100% Vốn Điều lệ, Công ty đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ quyết toán cổ phần hóa cùng Công ty mẹ của Tổng Công ty. Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung đang tồn tại vấn đề chưa được xử lý có liên quan đến Xí nghiệp Kinh doanh Xuất nhập khẩu Tổng hợp – đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung và ảnh hưởng đến số liệu tài chính của Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung.

Xí nghiệp Kinh doanh Xuất nhập khẩu Tổng hợp trước đây do Ông Nguyễn Duy Xuyên – Phó Tổng Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Xí nghiệp điều hành. Do có những dấu hiệu cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng, Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Hà Nội đã ra Quyết định số 142/PC44 (Đ2) ngày 19/04/2013 khởi tố vụ án hình sự, Quyết định số 572/PC44(Đ2) ngày 05/08/2013 và lệnh bắt tạm giam số 76/PC44(Đ2) cùng ngày khởi tố bị can đối với Ông Nguyễn Duy Xuyên.

Một số công nợ, giao dịch của Xí nghiệp liên quan đến vụ án trên, cụ thể:

+ Các khoản nợ phải thu bao gồm: Các khoản công nợ phải thu khách hàng của Xí nghiệp với tổng số tiền là 30.823.959.293 VND trong đó phải thu Công ty Cổ phần Thép Hà Nội số tiền 27.264.461.695 VND, phải thu Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thế Anh số tiền 3.230.706.858 VND; Công nợ phải thu khác đối tượng Ông Nguyễn Duy Xuyên với số tiền 48.134.425.710 VND.

+ Các khoản vay với tổng số tiền là 50.928.533.938 VND, bao gồm: Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Nam Hà Nội với số tiền là 24.990.000.000 VND do Xí nghiệp Kinh doanh Xuất nhập khẩu tổng hợp trực tiếp vay; khoản vay Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội với số tiền là 24.262.809.296 VND do Công ty đứng tên trên hợp đồng vay hộ Xí nghiệp; Khoản vay đối tượng khác gồm: Công đoàn Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Cơ khí Quang Trung số tiền 266.725.076 VND, cá nhân Bà Trần Thị Thược số tiền 77.820.037 VND và Công ty Cổ phần sản xuất Thép Mitsu Vina số tiền 1.331.179.529 VND.

Theo bản án xét xử sơ thẩm số 337/2017/HSST ngày 30/09/2017, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy Xuyên phạm tội làm giả con dấu tài liệu của cơ quan tổ chức và lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 267, điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ Luật hình sự. Theo bản án phúc thẩm số 535/2019/HSPT ngày 14 - 15/08/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội quyết định: Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, người bị hại; hủy bản án hình sự sơ thẩm số 337/2017/HSST ngày 29 - 30/09/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội để điều tra lại.

Sau khi có Kết luận số 99 ngày 30/07/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố Hà Nội, Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố Hà Nội đã ra Cáo trạng số 301/CT-VKS-P3 ngày 25/09/2019 kết luận hành vi của bị can Nguyễn Duy Xuyên đã phạm vào tội: lừa đảo, chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt quy định tại Điểm a, Khoản 4, Điều 174 của Bộ Luật hình sự 2015 và tội làm giả con dấu, tài liệu cơ quan, tổ chức, quy định tại Khoản 1, Điều 267 của Bộ Luật hình sự 1999. Hành vi của Thân Thị Nhậm, Bùi Ngọc Lan, Nguyễn Văn Vương, Tăng Thị Thanh Hà đã phạm vào tội: lừa đảo, chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt quy định tại Điểm a, Khoản 4, Điều 174 của Luật hình sự 2015. Quyết định truy tố trước Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội để xét xử.

Theo Bản án phúc thẩm số 535/2019/HSPT ngày 14, 15/08/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội quyết định: Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, người bị hại; Hủy Bản

án hình sự sơ thẩm số 337/2017/HSST ngày 29,30/09/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội để điều tra lại.

Tại ngày 12, 13, 14 tháng 02 năm 2020, Tòa án nhân dân TP Hà Nội đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Nguyễn Duy Xuyên và đồng phạm về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Ngày 14/02/2020, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy Xuyên phạm tội Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan tổ chức và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Khoản 1, Điều 267; Điều a, Khoản 4, Điều 139 Bộ Luật hình sự. Bị cáo Thân Thị Nhậm, Bùi Thị Ngọc Lan, Nguyễn Văn Vương, Tăng Thị Thanh Hà phạm tội lừa đảo, chiếm đoạt tài sản, quy định tại Điều 139, Khoản 4, Điều a của Bộ Luật hình sự. Về trách nhiệm dân sự: Buộc Bị cáo Nguyễn Duy Xuyên và Thân Thị Nhậm phải liên đới bồi thường cho ngân hàng Agribank chi nhánh Nam Hà Nội số tiền 24.990.000.000 VND và ngân hàng Vietinbank Đông Hà Nội số tiền 24.262.809.296 VND. Trong đó Nguyễn Duy Xuyên phải bồi thường 30.000.000.000 VND, Thân Thị Nhậm phải bồi thường 19.252.809.296 VND.

Để đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung gửi đơn kháng cáo số 96/CV-CKQT ngày 24/02/2020 gửi tòa án nhân dân TP Hà Nội đề nghị tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc ngân hàng Vietinbank trả lại cho Công ty Quang Trung tổng số tiền gốc là 695.138.503 VND và tiền lãi theo quy định của Ngân hàng tính đến ngày thanh toán hết gốc và lãi.

Do chưa có kết luận cuối cùng về vụ án nên chưa xác định được nghĩa vụ và trách nhiệm cụ thể của Công ty TNHH Cơ khí Quang Trung và đối tượng Nguyễn Duy Xuyên đối với các khoản công nợ phải thu và phải trả nói trên.

{3} Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí do Tổng Công ty nắm giữ 100% vốn; thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30/09/2014 để phục vụ cho công tác cổ phần hóa Tổng Công ty và Công ty cũng đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ quyết toán cổ phần hóa cùng Công ty mẹ của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 của Công ty bao gồm khoản ứng trước cho người bán với số tiền là 20.549.503.289 VND nhưng hợp đồng của các khoản ứng trước này đã bị hủy và các khoản đầu tư tài chính có giá trị 3.795.990.000 VND đều tồn tại trước thời điểm 30/09/2014 nhưng chưa được xử lý. Công ty đang chờ kết quả phê duyệt cổ phần hóa từ cấp có thẩm quyền và chưa lập dự phòng đối với các nội dung này.

{4} Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật (sau đây được gọi tắt là Công ty Techno Import) do Tổng Công ty nắm giữ 100% vốn; thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30/09/2014 để phục vụ cho công tác cổ phần hóa Tổng Công ty. Tương tự các công ty do Tổng Công ty sở hữu 100% Vốn Điều lệ, Công ty đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ quyết toán cổ phần hóa cùng Công ty mẹ của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính giữa niên độ của Techno Import bao gồm khoản công nợ phải thu tồn đọng trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp và đang chờ cơ quan có thẩm quyền xem xét là 65.166.180.990 VND và tiền thuê đất, tiền chậm nộp (phát sinh trước thời điểm 20/01/2017 đến nay) đang được treo trên khoản mục chi phí trả trước dài hạn mà chưa hạch toán vào chi phí trong các kỳ tương ứng với số tiền là 11.795.859.448 VND.

Ngày 26/03/2018, Tổng Công ty đã có Công văn số 276/CV-MIE-DDV trình Bộ Công Thương về việc báo cáo và đề xuất thực hiện tái cơ cấu Công ty TechnoImport. Ngày 22/06/2018, Bộ Công Thương đã có Công văn số 4961/BCT- CN về việc tái cơ cấu Công ty TechnoImport đồng ý chủ trương thoái vốn đầu tư của Tổng Công ty tại Công ty TechnoImport. Ngày 29/08/2018, Bộ Công Thương có Công văn số 6935/BCT-CN về phương án thoái vốn của MIE tại Công ty TechnoImport. Ngày 29/11/2018, Bộ Tài chính đã có Công văn số 14893/BTC-TCDN về việc hướng dẫn thực hiện thoái vốn MIE đầu tư tại Công ty TechnoImport. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, việc thoái vốn tại Công ty TechnoImport của Tổng Công ty vẫn đang tiến hành.

{5} Công ty CP Cơ khí Duyên Hải: được chuyển đổi từ Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Duyên Hải trực thuộc Tổng Công ty. Tổng Công ty sở hữu 98,189% cổ phiếu có quyền biểu quyết.

- {6} Công ty CP Dụng cụ số 1: được chuyển đổi từ Công ty dụng cụ cắt và đo lường trực thuộc Tổng Công ty. Khoản đầu tư này ban đầu được Tổng Công ty ghi nhận là 3.150.600.000 VND, chiếm 51% cổ phiếu có quyền biểu quyết và được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa tại ngày 30/09/2014 là 4.099.574.020 VND. Tại ngày 20/01/2017, Tổng Công ty tiến hành đánh giá khoản đầu tư tài chính theo quy định và giá trị đầu tư vào Công ty CP Dụng cụ số 1 được Tổng Công ty ghi nhận là 3.836.193.800 VND.
- {7} Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội: Vốn Điều lệ là 90.000.000.000 VND chia thành 900.000 cổ phần, Tổng Công ty sở hữu 20% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa tại ngày 30/09/2014 là 1.800.000.000 VND. Tại ngày 20/01/2017, Tổng Công ty tiến hành đánh giá khoản đầu tư tài chính theo quy định và giá trị đầu tư vào Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội được Tổng Công ty ghi nhận là 1.772.952.058 VND.
- {8} Công ty CP Đá Mài Hải Dương: được chuyển đổi từ Công ty Đá Mài trực thuộc Tổng Công ty. Khoản đầu tư này ban đầu được Tổng Công ty ghi nhận là 1.000.000.000 VND, chiếm 2,22% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Căn cứ vào kết quả xác định giá trị đã được phê duyệt, khoản đầu tư này được đánh giá là 1.631.736.071 VND. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần), Tổng Công ty định giá lại khoản đầu tư này và ghi nhận giá trị khoản đầu tư là 3.717.410.306 VND.
- {9} Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng: được đổi từ Nhà Máy Cơ khí Chế tạo Hải Phòng trực thuộc Tổng Công ty. Khoản đầu tư này ban đầu được Tổng Công ty ghi nhận là 1.037.690.000 VND, chiếm 10% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa tại ngày 30/09/2014 là 1.463.141.355 VND. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần), căn cứ vào giá giao dịch cổ phiếu của Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng, Tổng Công ty định giá lại khoản đầu tư này và ghi nhận giá trị khoản đầu tư là 1.432.012.200 VND. Ngày 27/03/2018, Tổng Công ty đã có Công văn số 269/CV-MIE-HĐQT gửi Bộ Công Thương về việc thoái vốn MIE đầu tư tại Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng. Ngày 04/05/2018, Bộ Công Thương đã có Công văn số 3475/BCT-CN đồng ý về việc thoái hết phần vốn Tổng Công ty đầu tư tại Công ty Cổ phần Cơ khí Chế tạo Hải Phòng.
- {10} Công ty CP Xi Măng Đồng Bành: Vốn Điều lệ là 301.000.000 VND. Ban đầu, khoản đầu tư này được Tổng Công ty ghi nhận là 31.200.000.000 VND, chiếm 10,37% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp thuộc Bộ Công Thương để cổ phần hóa tại ngày 30/09/2014 là 27.298.839.658 VND. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần), Tổng Công ty định giá lại khoản đầu tư này và ghi nhận giá trị khoản đầu tư là 12.905.000.000 VND.

(10a): là khoản đầu tư bằng vốn tự có của Tổng Công ty.

(10b): là khoản đầu tư bằng vốn huy động của Cán bộ Công nhân viên và các cổ đông khác, Tổng Công ty đứng tên trong giao dịch mua cổ phiếu.

Ghi chú:

(*): Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty chưa có cơ sở để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết và Các khoản đầu tư khác để thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020 bởi vì không có giá giao dịch trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý dựa trên việc sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

IN: C
DÓN
TN
EM
Á VII
HAI

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B 09a-DN

5.11 Chi phí trả trước

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	277.465.754	3.577.885
Chi phí công cụ, dụng cụ	277.465.754	3.577.885
Dài hạn	920.422.683	1.198.797.777
Chi phí công cụ, dụng cụ	626.360.072	672.349.273
Chi phí khác	294.062.611	526.448.504
Cộng	1.197.888.437	1.202.375.662

5.12 Phải trả người bán

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Ngắn hạn	208.521.690.467	208.521.690.467	95.125.427.217	95.125.427.217
<i>Các công ty con</i>	<i>18.122.582.394</i>	<i>18.122.582.394</i>	<i>31.373.326.617</i>	<i>31.373.326.617</i>
Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	18.122.582.394	18.122.582.394	21.791.941.171	21.791.941.171
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	-	-	9.581.385.446	9.581.385.446
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>190.399.108.073</i>	<i>190.399.108.073</i>	<i>63.752.100.600</i>	<i>63.752.100.600</i>
Công ty CP Thương mại CITICOM	-	-	9.702.272.149	9.702.272.149
Guilin Guiye Industrial Co.,	10.159.855.908	10.159.855.908	10.131.506.879	10.131.506.879
TVM Trading Company	-	-	5.908.671.296	5.908.671.296
Công ty TNHH Thiết bị và Dịch vụ tổng hợp GES	7.550.771.669	7.550.771.669	9.550.771.669	9.550.771.669
Công ty CP Thương mại Vật liệu Điện Nam Hà Nội	22.804.463.388	22.804.463.388	-	-
Clenergy International (HK)	7.568.985.776	7.568.985.776	-	-
JinkoSolar Technology Limited	102.257.350.071	102.257.350.071	-	-
Đối tượng khác	40.057.681.261	40.057.681.261	28.458.878.607	28.458.878.607
Dài hạn	-	-	-	-
Tổng cộng	208.521.690.467	208.521.690.467	95.125.427.217	95.125.427.217

01
BT
TH
TOÁ
TN
01

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B 09a-DN

5.13 Thuế và các khoản phải thu – phải nộp Nhà nước

	01/01/2020	Phải nộp	Đã nộp	30/06/2020
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.258.376.347	16.529.192.479	16.529.192.479	1.258.376.347
<i>Thuế GTGT hàng sản xuất kinh doanh trong nước</i>	1.258.376.347	-	-	1.258.376.347
- Văn Phòng Tổng Công ty	(10.920.722)	-	-	(10.920.722)
- Công ty Xây lắp Công nghiệp	451.277.892	-	-	451.277.892
- Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP	818.019.177	-	-	818.019.177
<i>Thuế GTGT hàng nhập khẩu</i>	-	16.529.192.479	16.529.192.479	-
- Văn Phòng Tổng Công ty	-	16.529.192.479	16.529.192.479	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	2.436.478	2.436.478	-
- Văn Phòng Tổng Công ty	-	2.436.478	2.436.478	-
Thuế TNDN	180.809.582	192.050.030	146.184.417	226.675.195
- Văn Phòng Tổng Công ty	131.915.739	161.927.059	131.915.739	161.927.059
- Công ty Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp	14.268.678	30.122.971	14.268.678	30.122.971
- Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP	34.625.165	-	-	34.625.165
Thuế TNCN	131.832.787	205.487.018	317.811.114	19.508.691
- Văn Phòng Tổng Công ty	101.264.448	170.130.445	273.251.118	(1.856.225)
- Công ty Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp	30.568.339	35.356.573	44.559.996	21.364.916
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	473.259.458	473.259.458	-
- Văn Phòng Tổng Công ty	-	473.259.458	473.259.458	-
Các loại thuế khác	(21.988.000)	513.392.000	518.704.000	(27.300.000)
- Văn Phòng Tổng Công ty	(25.088.000)	510.392.000	517.704.000	(32.400.000)
- Công ty Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp	-	1.000.000	1.000.000	-
- Công ty Xây lắp Công nghiệp	3.100.000	1.000.000	-	4.100.000
- Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP	-	1.000.000	-	1.000.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	(93.416.121)	100.000	100.000	(93.416.121)
- Văn Phòng Tổng Công ty	(93.416.121)	100.000	100.000	(93.416.121)
Tổng cộng	1.455.614.595	17.915.917.463	17.987.687.946	1.383.844.112

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước:	138.593.068	129.424.843
- Văn Phòng Tổng Công ty	138.593.068	129.424.843
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:	1.522.437.180	1.585.039.438
- Văn Phòng Tổng Công ty	161.927.059	233.180.187
- Công ty Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp	51.487.887	44.837.017
- Công ty Xây lắp Công nghiệp	455.377.892	454.377.892
- Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP	853.644.342	852.644.342

5.14 Chi phí phải trả

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	5.052.687.419	6.162.531.596
Lãi vay phải trả	4.983.483.448	4.854.745.846
Khác	69.203.971	1.307.785.750
Dài hạn	-	-
Cộng	5.052.687.419	6.162.531.596

5.15 Doanh thu chưa thực hiện

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	269.300.000	770.500.000
Doanh thu cho thuê văn phòng	269.300.000	770.500.000
Dài hạn	-	-
Tổng cộng	269.300.000	770.500.000

5.16 Phải trả khác

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Ngắn hạn	22.097.900.824	21.984.246.281
Thu của các cổ đông góp vốn vào Công ty Cổ phần Xi Măng Đồng Bành	12.905.000.000	12.905.000.000
Phải trả về cổ phần hóa	4.257.988.040	4.257.988.040
Kinh phí công đoàn	61.565.422	53.059.612
Bảo hiểm xã hội	1.293.169.030	1.220.553.881
Bảo hiểm y tế	11.090.516	5.265.000
Bảo hiểm thất nghiệp	4.929.118	2.340.000
Bảo hiểm tai nạn nghề nghiệp	257.280	-
Nhận ký quỹ, ký cược	11.000.000	71.000.000
Phải trả phải nộp khác	3.552.901.418	3.469.039.748
Dài hạn	-	-
Cộng	22.097.900.824	21.984.246.281



5.17 Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2020		Trong kỳ		01/01/2020	
	VND		VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	69.244.990.017	69.244.990.017	129.237.294.679	67.405.630.662	7.412.053.000	7.412.053.000
- Ngân hàng	68.908.664.017	68.908.664.017	129.237.294.679	67.405.630.662	7.077.000.000	7.077.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển {BIDV} - Thấu chi {1}	9.926.768.309	9.926.768.309	9.926.768.309	7.077.000.000	7.077.000.000	7.077.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển {BIDV} {2}	58.981.895.708	58.981.895.708	119.310.526.370	60.328.630.662	-	-
- Cá nhân	336.326.000	336.326.000	-	-	335.053.000	335.053.000
Phát sinh tại Công ty Xây lắp công nghiệp	336.326.000	336.326.000	-	-	335.053.000	335.053.000
b) Nợ dài hạn đến hạn trả	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000
Tổng Công ty Bia rượu và Nước giải khát Sài Gòn {3}	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000
Tổng cộng	73.244.990.017	73.244.990.017	129.237.294.679	67.405.630.662	11.412.053.000	11.412.053.000

{1}: Khoản vay theo Hợp đồng cấp hạn mức thấu chi số 01/2020/31009/HĐCHMTC ngày 29/06/2020

- Hạn mức: 10.000.000.000 VND;
- Thời hạn cấp hạn mức đến 28/06/2021;
- Mục đích: bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Lãi suất cho vay được ghi trên từng giấy nhận nợ;
- Tài sản đảm bảo: Hợp đồng tiền gửi số 2412/2018/HĐTG.211.31009/HĐTG.211.2018 ngày 24/12/2018 ngày 24/12/2018, mệnh giá 6.000.000.000 VND, lãi suất 6,8%/năm, kỳ hạn 12 tháng; Hợp đồng tiền gửi số 06/2019/HĐTG.211.31009/HĐTG.211.2019 ngày 07/03/2019, mệnh giá 5.000.000.000 VND, lãi suất 6,8%/năm, kỳ hạn 12 tháng.

{2}: Khoản vay theo Hợp đồng số 02/2020/31009/HĐTD ngày 26/06/2020

- Hạn mức: 340.000.000.000 VND;
- Mục đích: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C;
- Tài sản đảm bảo: tiền gửi ngân hàng từ hoạt động sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ gửi tại ngân hàng BIDV;
- Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể.

{3}: Khoản vay tổng Công ty CP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn, khoản vay này phát sinh trước năm 2007, lãi suất là 7%/năm, thời hạn vay 5 năm.

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B 09a-DN

5.18 Vốn chủ sở hữu

a. Biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư ngày 01/01/2019	1.418.634.488.001	-	1.418.821.408.048
Lãi trong kỳ	-	2.588.572.178	2.588.572.178
Tạm phân phối lợi nhuận	-	(2.374.980.996)	(2.374.980.996)
Số dư ngày 31/12/2019	1.418.634.488.001	213.591.182	1.418.848.079.183
Số dư ngày 01/01/2020	1.418.634.488.001	213.591.182	1.418.848.079.183
Lãi trong kỳ	-	969.446.948	969.446.948
Số dư ngày 30/06/2020	1.418.634.488.001	1.183.038.130	1.419.817.526.131

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Vốn của Nhà nước và các cổ đông khác	1.418.634.488.001	1.418.634.488.001
Cộng	1.418.634.488.001	1.418.634.488.001

c. Các giao dịch về vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 VND
Vốn góp đầu kỳ	1.418.634.488.001	1.418.634.488.001
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	1.418.634.488.001	1.418.634.488.001

d. Cổ phiếu

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 Cổ phiếu	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	141.991.500	141.991.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	141.991.500	141.991.500
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	141.991.500	141.991.500
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000 VND/cổ phiếu	10.000 VND/cổ phiếu

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 VND
Doanh thu hàng hóa, dịch vụ	39.824.386.907	76.288.880.878
Doanh thu dự án	248.373.161.103	66.238.373.092
Tổng cộng	288.197.548.010	142.527.253.970

6.2 Giá vốn hàng bán

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 VND
Giá vốn hàng hóa, dịch vụ	36.716.049.116	73.784.495.740
Giá vốn dự án	238.680.220.498	60.396.244.168
Tổng cộng	275.396.269.614	134.180.739.908

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 VND
Lãi cho vay, lãi tiền gửi	862.316.167	2.162.827.247
Cổ tức, lợi nhuận được chia	103.769.000	-
Chênh lệch tỷ giá	542.345.619	405.475.977
Tổng cộng	1.508.430.786	2.568.303.224

6.4 Chi phí tài chính

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 VND
Lãi tiền vay	837.221.203	154.681.631
Chênh lệch tỷ giá	176.165.223	128.297.177
Tổng cộng	1.013.386.426	282.978.808

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.223.762.113	3.691.518.321
Chi phí VLQL, đồ dùng văn phòng	240.787.132	133.570.905
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.506.387.278	1.531.670.272
Thuế, phí, lệ phí	480.931.846	326.162.406
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(200.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	468.058.860	506.286.006
Chi phí bằng tiền khác	5.185.446.916	4.214.457.472
Tổng cộng	12.105.374.145	10.203.665.382

6.6 Thu nhập khác

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
	VND	VND
Khác	50.000.224	299.294.448
Tổng cộng	50.000.224	299.294.448

6.7 Chi phí khác

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
	VND	VND
Phạt chậm nộp thuế và các khoản vào NSNN, lãi chậm nộp bảo hiểm, phạt vi phạm hành chính...	79.451.857	130.623.948
Tổng cộng	79.451.857	130.623.948

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.161.496.978	387.752.687
- Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	113.399.540	181.590.065
- Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	319.531.368	415.368.976
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	955.365.150	153.973.776
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN	192.050.030	32.912.710

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.728.297.519	6.513.555.934
Chi phí NVL	280.618.955.680	138.664.703.829
Chi phí đồ dùng văn phòng	140.804.489	179.322.463
Chi phí khấu hao	1.650.277.813	1.502.015.670
Thuế, phí, lệ phí	480.931.846	326.162.406
Dự phòng phải thu khó đòi	-	(200.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.527.974.922	1.512.894.229
Chi phí khác bằng tiền	5.408.447.010	4.447.744.732
Cộng	298.555.689.279	152.946.399.263

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các đơn vị phụ thuộc, các công ty con, các công ty liên doanh, liên kết của Tổng Công ty được coi là Bên liên quan.

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tỷ lệ sở hữu
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Điều hành hoạt động	
Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP	Đơn vị phụ thuộc	100%
Công ty Xây lắp công nghiệp	Đơn vị phụ thuộc	100%
Công ty Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ kỹ thuật công nghiệp	Đơn vị phụ thuộc	100%
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Công ty con	100%
Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	Công ty con	100%
Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí	Công ty con	100%
Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật	Công ty con	100%
Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	Công ty con	98,189%
Công ty CP Dụng cụ số 1	Công ty con	51%
Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết	20%

b) Giao dịch với Bên liên quan

(Giá mua hàng và giá hàng bán chưa bao gồm VAT)

Bên liên quan	Giao dịch	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 VND
Hội đồng quản trị và người quản lý khác	Tiền lương và thù lao	1.222.005.520	1.083.749.058
Công ty con			
Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	Bán hàng	3.557.498.060	7.870.384.127
Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	Mua hàng	3.682.554.120	3.040.166.531
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Mua hàng	-	4.313.734.428
Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	Mua hàng	-	191.128.960
Nhà máy Quy chế Từ Sơn	Mua hàng	979.174.516	-

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU B 09a-DN

c) Số dư với các Bên liên quan

Khoản mục	Mối quan hệ	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	Công ty con	15.881.750.332	13.190.638.832
2. Phải thu ngắn hạn khác			
Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	Công ty con	37.161.309	37.161.309
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Công ty con	6.919.337	6.919.337
3. Phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Công ty con	-	9.581.385.446
Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	Công ty con	18.295.828.158	21.791.941.171
4. Trả trước cho người bán			
Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	Công ty con	320.000.000	-
Nhà máy quy chế Từ Sơn	Đơn vị trực thuộc Công ty con	86.161.724	-

7.2 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán với ý kiến ngoại trừ. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ được lấy từ Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 đã được soát xét với kết luận ngoại trừ.

Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2020

Người lập

TB. Tài chính kế toán

Quyền Tổng Giám đốc



Phạm Minh Đức



Trần Thị Thu Trang



Lê Quốc Hưng